Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8523.49.12

Mã HS	8523.49.12
Mô tả hàng hóa	Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37 / - Phương tiện lưu trữ thông tin quang học: / - - Loại khác: / - - - Đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser: / - - - - Loại chỉ sử dụng để tái tạo âm thanh: / - - - - - Đĩa chứa nội dung giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 17:13:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85234912/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15528
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15528
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15528
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,3	10,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	11,3	11,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	18.5	18,5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14842
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14783
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14783
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14783
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14783
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14783
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14783
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14837
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14837
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14837
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14837

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14837
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14837
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14838
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14838
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14838
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14838
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14838
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14838
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14841
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14789
AIFTA	30/12/2022	2022	20	AI!F14797
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	19.5	AI!G14797
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	19	AI!H14797
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	18.5	AI!I14797
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	18.5	AI!J14797
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	18.5	AI!K14797
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14828
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14828
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14828
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14828
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14828
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14828
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14883
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14883
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14883
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14883
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14883
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14862
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14862
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14862
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14862
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14862
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14862
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1027
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1027
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D14860
AHKFTA	2023	2023	15	AKH!E14860
AHKFTA	2024	2024	15	AKH!F14860
AHKFTA	2025	2025	15	AKH!G14860
AHKFTA	2026	2026	15	AKH!H14860
AHKFTA	2027	2027	15	AKH!I14860
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D14875
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E14875
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F14875
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14875
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14875
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14875
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D14874
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E14874
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F14874
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14874

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14874
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14874
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14867
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14867
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14867
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14867
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14867
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14867
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14867
RCEP A	2022	2022	14	RCEPT-A!D14862
RCEP A	2023	2023	13	RCEPT-A!E14862
RCEP A	2024	2024	12	RCEPT-A!F14862
RCEP A	2025	2025	11	RCEPT-A!G14862
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H14862
RCEP A	2027	2027	9	RCEPT-A!I14862
RCEP B	2022	2022	14	B!D14862
RCEP B	2023	2023	13	B!E14862
RCEP B	2024	2024	12	B!F14862
RCEP B	2025	2025	11	B!G14862
RCEP B	2026	2026	10	B!H14862
RCEP B	2027	2027	9	B!I14862
RCEP C	2022	2022	14,3	C!D14862
RCEP C	2023	2023	13,5	C!E14862
RCEP C	2024	2024	12,8	C!F14862
RCEP C	2025	2025	12	C!G14862
RCEP C	2026	2026	11,3	C!H14862

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10,5	C!I14862
RCEP D	2022	2022	14,1	D!D14861
RCEP D	2023	2023	13,1	D!E14861
RCEP D	2024	2024	12,2	D!F14861
RCEP D	2025	2025	11,3	D!G14861
RCEP D	2026	2026	10,3	D!H14861
RCEP D	2027	2027	9,4	D!I14861
RCEP E	2022	2022	14	E!D14865
RCEP E	2023	2023	13	E!E14865
RCEP E	2024	2024	12	E!F14865
RCEP E	2025	2025	11	E!G14865
RCEP E	2026	2026	10	E!H14865
RCEP E	2027	2027	9	E!I14865
RCEP F	2022	2022	14	F!D14862
RCEP F	2023	2023	13	F!E14862
RCEP F	2024	2024	12	F!F14862
RCEP F	2025	2025	11	F!G14862
RCEP F	2026	2026	10	F!H14862
RCEP F	2027	2027	9	F!I14862
VIFTA	2024	2024	12,9	VI!F13842
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G13842
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H13842
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I13842

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 15%, AIFTA 18,5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8523.49 có 11 dòng thuế; dòng 8523.49.12 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đĩa chứa nội dung giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa.	8523.49.11 Loại sử dụng để tái tạo các hiện tượng trừ âm thanh hoặc hình ảnh; 8523.49.13 Loại khác; 8523.49.14 Loại khác, loại sử dụng để tái tạo các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi); 8523.49.15 Loại khác, chứa phim điện ảnh trừ phim thời sự, phim du lịch, phim kỹ thuật, phim khoa học, và phim tài liệu khác; 8523.49.16 Loại khác, dùng cho điện ảnh; 8523.49.19 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8523.49.12. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8523.49.12 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15528), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.